

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang Vinh

Ông Nguyễn Hoàng Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hồ Văn T**, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: **Võ Thị Tuyết M**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Hồ Văn T** trình bày:

Năm 2004, anh **Hồ Văn T** và chị **Võ Thị Tuyết M** có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Thời gian chung sống có 02 con chung tên **Võ Thị H**, sinh ngày 26/5/2006 và **Hồ Văn H1**, sinh ngày 11/9/2009. Quá trình chung sống giữa anh chị xảy ra rất nhiều mâu thuẫn do qua bất đồng quan điểm sống. Anh **T** và chị **M** đã ly thân từ cuối năm 2010 đến nay. Nhận thấy tình cảm đã không còn nên **T** yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

- Về hôn nhân: Anh **T** yêu cầu ly hôn với chị **M**.

- Về con chung: Anh **T** đồng ý giao 02 con chung cho chị **M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Anh **T** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị **Võ Thị Tuyết M** trình bày: Chị thống nhất về thời gian chung sống và có 02 con chung như lời anh **T** trình bày. Qua yêu cầu của anh **T** chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị **M** đồng ý ly hôn với anh **T**.

- Về con chung: Chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, với mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định cho một đứa con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh **T** cho anh **T** và chị **M** ly hôn. Về con chung: Giao chị **M** tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, buộc anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định cho một đứa con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị **Võ Thị Tuyết M** hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại **Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. Nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Anh **T** và chị **M** có đăng ký kết hôn, nay **T** yêu cầu ly hôn với chị **M**, yêu cầu giao con chung cho chị **M** nuôi nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều

28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do đương sự cung cấp xác định anh **T** và chị **M** kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Đồng Tháp**. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Hiện tại anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh **T** và chị **M** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Từ khi anh **T** và chị **M** không còn sống chung với nhau, cháu **H** và cháu **H1** được chị **M** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu nên Hội đồng xét xử cần thấy nên giữ nguyên người nuôi dưỡng các cháu.

[2.3.] Về cấp dưỡng: Chị **M** nuôi con, nên anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5 Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Bị đơn không phải chi án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh **Hồ Văn T** ly hôn với chị **Võ Thị Tuyết M**.

- Về con chung: Giao cháu **Võ Thị H**, sinh ngày 26/5/2006 và **Hồ Văn H1**, sinh ngày 11/9/2009 cho chị **Võ Thị Tuyết M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Buộc Anh **Hồ Văn T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định cho một đứa con. Thời gian cấp dưỡng từ

ngày xét xử (27/02/2023) đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh **Hồ Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh **Hồ Văn T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh **T** đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014319 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh **T** còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Chị **Võ Thị Tuyết M** không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/02/2023).

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Mỹ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA